

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh 2 (Lamer 2) tại Khu đất ĐCC-03, tổ 47,
khu vực 5, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
của Công ty TNHH đầu tư Tân Đại Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh 2 (Lamer 2) tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 03/6/2020;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh 2 (Lamer 2) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 82/2020/CV-TĐM ngày 09/7/2020 của Công ty TNHH Đầu tư Tân Đại Minh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 666/TTr-STNMT ngày 30/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM của Nhà ở xã hội Tân Đại Minh 2 (Lamer 2) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư Tân Đại Minh thực hiện tại Khu đất ĐCC-03, tổ 47, khu vực 5, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND phường Quang Trung theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Trước khi tiến hành đổ thải đất thừa, bentonite thải bỏ và xà bần với khối lượng khoảng 11.000m³, Chủ dự án phải báo cáo cụ thể vị trí đổ thải, kèm theo các giải pháp bảo vệ môi trường cho hoạt động đổ thải về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quy Nhơn để theo dõi, giám sát.

4. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

5. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

6. Bàn giao cho đơn vị quản lý dự án vận hành các công trình bảo vệ môi trường sau khi chủ dự án đã hoàn thành việc xây dựng và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường.

7. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

8. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Quang Trung;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ Ở XÃ HỘI TÂN ĐẠI MINH 2 (LAMER 2) CỦA CÔNG TY TNHH
ĐẦU TƯ TÂN ĐẠI MINH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- 1.1. Tên dự án: Nhà ở xã hội Tân Đại Minh 2 (Lamer 2).
- 1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Tân Đại Minh.
- 1.3. Địa chỉ trụ sở: Khu đất ĐCC-03A; ĐCC-03B, tổ 47, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 1.4. Phạm vi, quy mô dự án: dự án được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích 13.423m².
- 1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: xây dựng 3 khối nhà chung cư (mỗi khối cao 23 tầng nổi với tổng số căn là 851 căn); 01 nhà để xe 4 tầng nổi và 32 căn nhà liền kề; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày đêm; bố trí cây xanh với diện tích 2.450m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải; đất thừa, bentonite thải bỏ và xà bần.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công: nước mưa chảy tràn cuốn theo đất đá thải; nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động khoan cọc nhồi, rửa thiết bị thi công khoảng 4.702,37m³; nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 4,32 m³/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 179,52 m³/ngày.

Tính chất: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao; nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất thải rắn lơ lửng cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công:

+ Bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, lưu giữ nguyên vật liệu, đổ đất thải từ quá trình khoan cọc nhồi, bentonite thải bỏ và xà bần.

+ Khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; hoạt động của máy móc thiết bị thi công; bụi từ hoạt động chà nhám, sơn tường.

+ Tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án; khí thải từ các hoạt động nấu nướng của người dân.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường

- Giai đoạn thi công: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân (chất hữu cơ, vỏ hộp thải, nilon, giấy,...) khoảng 28,17 - 46,96 kg/ngày; đất thừa phát sinh từ hoạt động khoan cọc nhồi, bentonite thải bỏ và xà bần với khối lượng khoảng 11.000m³.

- Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 5,1 m³/ngày và lượng bùn thải phát sinh từ bể lắng của hệ thống xử lý nước thải khoảng 39,75 kg/ngày.

- Tính chất: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công: chất thải nguy hại phát sinh gồm các loại vật dụng nhiễm dầu thải, bóng đèn huỳnh quang, dầu mỡ thải, cặn sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (thùng, bao bì đựng dầu nhớt, sơn, keo, dung môi thải) với khối lượng khoảng 600kg.

- Giai đoạn hoạt động: chất thải nguy hại gồm pin, ắc quy chì thải, dầu nhớt thải, các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay, bao bì thải), bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, các linh kiện điện tử thải với khối lượng phát sinh khoảng 95kg/năm.

Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công

+ Nước mưa chảy tràn: tạo các rãnh thoát nước tạm thời bên trong và xung quanh dự án để đảm bảo thoát nước nhanh trên bề mặt.

+ Nước thải xây dựng: phát sinh từ hoạt động khoan cọc nhồi, rửa thiết bị thi công xây dựng được thu gom về hố lắng phía Tây Nam dự án đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Nước thải sinh hoạt: nhà vệ sinh di động.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

+ Nước thải sinh hoạt: toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án được dẫn về trạm bơm GT14 để bơm về trạm bơm PS5 nằm đối diện trụ sở Tỉnh đoàn Bình Định để được bơm về Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình; cụ thể:

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ các căn nhà liên kế được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn tại các hộ gia đình → hố ga D300 trên đường D4 → trạm bơm GT14.

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh tại các khối nhà chung cư được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m³/ngày đặt ngầm tại khu vực công viên cây xanh, nước thải được xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (hệ số K=1). Nước thải sau xử lý theo tuyến cống D400 trên đường N3 dẫn về trạm bơm GT14.

Sơ đồ công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ) → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Điểm đầu nối vào hố ga của tuyến cống D400 trên đường N3 (đạt QCVN 14:2008/cột B, k = 1).

Quy trình vận hành: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, thời gian vận hành liên tục thường xuyên.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công:

+ Lập rào chắn bằng tôn xung quanh khu vực dự án trước khi thi công, hạn chế các tác động đến khu vực xung quanh.

+ Phân luồng giao thông, bố trí mật độ xe ra vào dự án phù hợp tránh ùn tắc giao thông.

+ Phương tiện vận chuyển, chở nguyên vật liệu, đất thừa: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; chở đúng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín không để rơi vãi đất, đá thải.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Bố trí các lam gió, cửa sổ để thông gió tự nhiên từ khu vực bãi đỗ xe.

+ Trồng cây xanh với tổng diện tích khoảng 2.450m² tại xung quanh khối nhà chung cư và dọc theo đường nội bộ, khu công viên cây xanh của dự án.

+ Thuê đơn vị chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày, đảm bảo không gây tồn ứ rác.

+ Bố trí dải cây xanh cách ly dọc theo tường rào đối diện khu vực phòng tập kết rác thải để giảm thiểu mùi hôi phát sinh ảnh hưởng đến khu vực phía Đông dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH

- Giai đoạn thi công:

+ CTR sinh hoạt: các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại những vị trí làm việc và khu nghỉ ngơi ăn uống của công nhân.

+ CTNH: các thùng chứa chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che) để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

+ Đất thừa: khối lượng đất từ hoạt động khoan cọc nhồi, bentonite và xà bần được đổ thải tại khu đất A1, A2, A3, A4 và vùng đệm cây xanh quanh khu vực Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình, phường Nhơn Bình với khối lượng khoảng 11.000m³.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: từ tầng 2 đến tầng 23 của mỗi khối chung cư bố trí 01 phòng chứa rác có diện tích 4,6m² (mỗi phòng bố trí 2 thùng rác 240 lít); tại tầng 1 của nhà để xe bố trí một phòng tập kết rác có diện tích 43,56m² (có mái che).

+ Chất thải nguy hại: 01 thùng chứa chất thải nguy hại có thể tích 240 lít đặt trong phòng chứa rác thải sinh hoạt từ tầng 2 đến tầng 23 của mỗi khối nhà chung cư.

Định kỳ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và được thực hiện trong khu vực kín có mái che, không để phát sinh mùi, nước mưa cuốn trôi gây ô nhiễm với tần suất 1 lần/ngày; ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng tần suất quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, an toàn giao thông

- Giai đoạn thi công: sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng phương tiện; thi công trong khoảng thời gian từ 7h - 11h30 và từ 13h30 - 17h.

- Đặt các biển báo xung quanh khu vực thi công, các tuyến đường gần khu vực triển khai dự án.

- Giai đoạn hoạt động: trồng và chăm sóc cây xanh khu vực xung quanh khối nhà chung cư, dọc theo đường nội bộ và khuôn viên cây xanh.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại chỗ và thường

xuyên kiểm tra, vận hành thử các thiết bị này.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng đường ống cấp thoát nước và hệ thống xử lý nước thải định kỳ; trang bị các máy móc dự phòng (máy bơm, máy thổi khí...) nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động thường xuyên; lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để giám sát.

4. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt $400\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra của hệ thống xử lý).
- Phòng chứa rác (CTR sinh hoạt và CTNH) từ tầng 2 đến tầng 23, diện tích mỗi phòng khoảng $4,6\text{m}^2$.
- Phòng tập kết rác thải có diện tích $43,56\text{m}^2$.
- Diện tích cây xanh: 2.450m^2

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: khu vực tiếp giáp với chung cư Lamer 1.
 - Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2016/BTNMT, QCVN 06:2010/BTNMT.
 - Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- b) Giám sát sạt lở và sụt lún toàn bộ khu vực dự án.
- c) Giám sát việc thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và việc lưu giữ.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Vị trí, thông số và tần suất quan trắc thực hiện theo quy định tại điểm 1 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số $k=1$.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại: Chủ dự án hoặc đơn vị quản lý dự án có trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải nguy hại) theo quy định, cụ thể như sau:

a) Giám sát nước thải

- Giám sát định kỳ tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát: lưu lượng và toàn bộ thông số theo QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số $k=1$.

b) Giám sát việc thu gom CTR và CTNH: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom; tần suất giám sát 03 tháng/lần.